

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>1 – 2</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	<b>3</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>	<b>4 – 7</b>
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>	<b>8</b>
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>	<b>9 – 10</b>
<b>Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất</b>	<b>11 – 40</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành phần Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm 2012 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	
Ông Đoàn Thành Đạt	Chủ tịch	(Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Trần Hoàng Huân	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Phan Văn Nghiệp	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Lê Phú Cự	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Nguyễn Quốc Tín	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Lê Văn Điệp	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Lê Vinh Hiền	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2012)
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Thành viên	(Miễn nhiệm từ ngày 27/04/2012)

#### Ban Tổng Giám đốc:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trần Hoàng Huân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bằng Gia Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Kế toán trưởng

### 2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

### 3. Các hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011, hoạt động của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa công công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

#### 4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 4 đến trang 40.

#### 5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

#### 6. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty.

#### 7. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

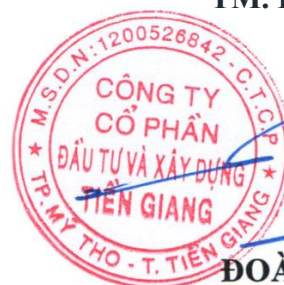
Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam.

Cho đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị nhận thấy không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2013

**TM. Hội đồng Quản trị**

**Chủ tịch**



**ĐOÀN THÀNH ĐẠT**

Số: 199C-HN/BCKT-2012

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012

của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang và các công ty con (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được trình bày từ trang 4 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

## **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

*Theo ý kiến của chúng tôi*, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý liên quan.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT**

**KT.Giám đốc**

**Phó Giám đốc**

  
  
**ĐINH TÂN TƯỜNG**  
Chứng chỉ KTV số: 0175/KTV

**Kiểm toán viên**

  
**PHẠM ĐÔNG SƠN**  
Chứng chỉ KTV số: 1052/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Mẫu số B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Bổ sung theo TT244/2009/TT- BTC)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>275.041.976.737</b>	<b>301.086.933.808</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(V.1)	<b>41.045.436.515</b>	<b>18.203.202.481</b>
1. Tiền	111		24.859.991.854	18.203.202.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.185.444.661	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	(V.2)	<b>119.031.484.757</b>	<b>101.982.091.612</b>
1. Phải thu khách hàng	131		119.454.120.067	97.212.882.634
2. Trả trước cho người bán	132		8.028.159.920	5.084.448.617
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		3.793.373.879	4.046.198.495
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(12.244.169.109)	(4.361.438.134)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(V.3)	<b>109.589.271.891</b>	<b>173.982.984.007</b>
1. Hàng tồn kho	141		109.589.271.891	173.982.984.007
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>VI. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.375.783.574</b>	<b>6.918.655.708</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		507.961.173	286.666.944
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.670.100	1.686.942.347
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.847.952.902
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(V.4)	4.719.152.301	3.097.093.515

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>124.057.624.418</b>	<b>141.729.688.322</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>112.186.729.674</b>	<b>129.565.292.163</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	(V.5)	102.037.035.947	115.530.362.457
- Nguyên giá	222		192.960.697.631	196.647.369.870
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(90.923.661.684)	(81.117.007.413)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	(V.6)	6.337.360.824	11.090.381.443
- Nguyên giá	225		28.518.123.713	28.518.123.713
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(22.180.762.889)	(17.427.742.270)
3. TSCĐ vô hình	227	(V.7)	2.196.923.244	2.181.804.082
- Nguyên giá	228		2.471.554.760	2.399.422.172
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(274.631.516)	(217.618.090)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(V.8)	1.615.409.659	762.744.181
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	(V.9)	<b>802.108.000</b>	<b>802.108.000</b>
1. Nguyên giá	241		802.108.000	802.108.000
2. Hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>289.436.597</b>	<b>260.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	(V.10)	289.436.597	260.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.779.350.147</b>	<b>11.102.288.159</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.778.431.499	2.149.046.430
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	(V.11)	6.933.151.693	6.501.423.023
3. Tài sản dài hạn khác	268	(V.12)	2.067.766.955	2.451.818.706
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>399.099.601.155</b>	<b>442.816.622.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>239.701.076.079</b>	<b>286.832.234.016</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>203.804.634.636</b>	<b>217.624.443.367</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(V.13)	52.171.543.546	51.862.047.035
2. Phải trả cho người bán	312		45.674.526.922	40.231.142.620
3. Người mua trả tiền trước	313	(V.14)	29.280.648.504	49.399.953.372
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(V.15)	10.428.504.541	3.904.146.408
5. Phải trả người lao động	315		6.093.295.426	2.670.316.984
6. Chi phí phải trả	316	(V.16)	47.728.461.376	30.169.387.153
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(V.17)	6.358.313.596	30.579.244.484
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	(V.18)	2.648.865.445	2.922.857.293
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.420.475.280	5.885.348.018
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>35.896.441.443</b>	<b>69.207.790.649</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(V.20)	35.896.441.443	69.188.094.607
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	19.696.042
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>153.995.408.695</b>	<b>148.529.479.413</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(V.21)	<b>153.995.408.695</b>	<b>148.529.479.413</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.700.000.000	10.700.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		37.065.900.538	32.093.180.538
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.375.920.230	5.428.761.580
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.853.587.927	20.307.537.295
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	(V.22)	<b>5.403.116.381</b>	<b>7.454.908.701</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>399.099.601.155</b>	<b>442.816.622.130</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
USD		408,54	408,54
EUR		3.393,08	3.393,08
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tiền Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

LÊ MỸ PHƯƠNG

NGUYỄN HOÀNG SƠN

TRẦN HOÀNG HUÂN



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BAO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(VI.1)	<b>489.478.104.300</b>	<b>436.585.833.464</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(VI.1)	664.127.323	1.317.715.498
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	(VI.1)	<b>488.813.976.977</b>	<b>435.268.117.966</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	(VI.2)	388.289.265.754	344.690.292.019
5. <b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>100.524.711.223</b>	<b>90.577.825.947</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(VI.3)	995.014.887	1.780.841.627
7. Chi phí tài chính	22	(VI.4)	11.440.360.691	15.897.805.193
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.440.360.691</i>	<i>15.897.472.276</i>
8. Chi phí bán hàng	24	(VI.5)	37.810.869.389	34.493.966.842
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(VI.6)	32.956.752.584	24.670.790.137
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>19.311.743.446</b>	<b>17.296.105.402</b>
11. Thu nhập khác	31	(VI.7)	8.702.755.288	4.434.616.075
12. Chi phí khác	32	(VI.8)	3.475.516.575	2.748.379.540
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>5.227.238.713</b>	<b>1.686.236.535</b>
14. <b>Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên danh</b>	45		<b>29.436.597</b>	<b>206.789.007</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>24.568.418.756</b>	<b>19.189.130.944</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.337.888.164	2.433.380.013
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(431.728.670)	(163.123.157)
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>18.662.259.262</b>	<b>16.918.874.088</b>
19. <b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>	61		<b>57.307.680</b>	<b>188.573.345</b>
20. <b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	62		<b>18.604.951.582</b>	<b>16.730.300.743</b>
21. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	70	(VI.9)	<b>2.326</b>	<b>2.091</b>

Tiền Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



LÊ MỸ PHƯỢNG

NGUYỄN HOÀNG SƠN

TRẦN HOÀNG HUÂN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Mẫu số B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>24.568.418.756</b>	<b>19.189.130.944</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	18.682.022.999	19.874.251.796
Các khoản dự phòng	03	7.996.778.023	3.142.214.978
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(3.901.743.178)	(19.228.141.542)
Chi phí lãi vay	06	11.440.360.691	15.897.472.276
<b>Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>58.785.837.291</b>	<b>38.874.928.452</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(25.177.057.757)	(26.504.651.039)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	63.741.984.726	(75.407.002.792)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(11.148.017.149)	105.656.624.181
Tăng giảm chi phí trả trước	12	682.232.115	(659.558.141)
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.550.112.229)	(14.702.722.481)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.352.935.435)	(5.105.967.582)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	754.051.751	715.386.032
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.028.627.631)	(3.338.387.734)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>66.707.355.682</b>	<b>19.528.648.896</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.819.460.862)	(11.347.057.684)
Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.595.758.550	2.494.736.546
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	985.414.317	206.789.007
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.761.712.005</b>	<b>(8.645.532.131)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 – DN/HN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	296.919.607.971	216.852.491.915
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(327.976.164.624)	(217.954.504.471)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.925.600.000)	(1.934.200.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.644.677.000)	(24.561.831.185)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(46.626.833.653)</b>	<b>(27.598.043.741)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>22.842.234.034</b>	<b>(16.714.926.976)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>18.203.202.481</b>	<b>34.918.129.457</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>41.045.436.515</b>	<b>18.203.202.481</b>

Tiền Giang, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

**LÊ MỸ PHƯỢNG**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN HOÀNG SƠN**

Tổng Giám đốc



**TRẦN HOÀNG HUÂN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Mẫu số B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

**Công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200526842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, thay đổi lần thứ 9 ngày 30 tháng 12 năm 2011.

Tên tiếng Anh: TIEN GIANG INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: TICCO.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính: 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

Công ty mẹ có 03 (ba) đơn vị phụ thuộc và hạch toán kế toán phụ thuộc là: Xí nghiệp Cơ khí sửa chữa, Xí nghiệp kinh doanh Vật liệu xây dựng Ticco có trụ sở đặt tại 90 Đinh Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và Sàn giao dịch Bất động sản Ticco có trụ sở đặt tại 166 đường Ấp Bắc, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Công ty mẹ có 3 công ty con và 1 công ty liên kết như trình bày ở dưới đây.

**Các công ty con**

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng TICCO (gọi tắt là “Xây dựng TICCO”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 1200683404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 11 tháng 07 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Xây dựng TICCO là 100%.

Công ty TNHH Một thành viên Bê tông TICCO (gọi tắt là “Bê tông TICCO”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5322100003 ngày 26 tháng 03 năm 2007 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Tiền Giang cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200656249 (số cũ 5304000013) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 07 năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Bê tông TICCO là 100%.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang (gọi tắt là “TICCO An Giang”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5203000091 đăng ký lần đầu ngày 15/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/09/2008, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 1600943512 đăng ký lại lần 1 ngày 28/04/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/08/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại TICCO An Giang là 75,42%.

**Công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Testco (gọi tắt là “Testco”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5303000080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

30/11/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/05/2008. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Testco là 20%.

### **2. Ngành nghề kinh doanh chính**

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công các công trình thủy lợi: Trạm bơm, cống, đập, đê, kè sông, kè biển các loại, hồ chứa nước và nạo vét rạch, kênh mương;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh cát san lấp;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản, định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quản lý bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Thi công các công trình giao thông: cầu giao thông, cầu cảng, đường giao thông các loại, hệ thống cấp thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Chi tiết: Trung đại tu thiết bị, sửa chữa và đóng mới sà lan;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí, cửa cổng công trình thủy lợi;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bê tông tươi và các sản phẩm bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: khu công nghiệp, khu dân cư, đường giao thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; tư vấn đấu thầu, giám sát;
- Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng vật liệu composite;
- Khai thác vận tải; lập dự án các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi; kinh doanh các sản phẩm bằng vật liệu composite; thiết kế, sản xuất, chế tạo thiết bị nâng.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHẾ ĐỘ VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007,

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 4. Đầu tư vào công ty liên kết

---

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

## 5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## 6. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con và công ty liên kết tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 7. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu tương ứng với quyền biểu quyết và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

### Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn thể hiện khoản dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

## 8. Công cụ tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

## **Ghi nhận ban đầu**

### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư tài chính dài hạn khác.

### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

## **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **9. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## **10. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

### **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp Nhập trước – xuất trước.

### **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

**Lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó thu khó đòi của Công ty được trích lập theo hướng dẫn tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**12. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

**Nguyên tắc ghi nhận giá trị TSCĐ hữu hình**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	5 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

**13. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**

Giá trị ban đầu của tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao như sau:

**Quyền sử dụng (QSD) đất**

**Thời gian khấu hao**

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

QSD 600 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Không khấu hao (QSD đất lâu dài)
QSD 1.429,90 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	Không khấu hao (QSD đất lâu dài)
QSD 8.436,20 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	440 tháng (từ tháng 8 năm 2010 đến tháng 3 năm 2047)

## 14. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

### Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### Phương pháp khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty.

Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích ước tính của nó.

## 15. Bất động sản đầu tư

Bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty, được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài tại Quang Trung- Cái Cui, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, diện tích 125,5 m<sup>2</sup> và 103,5 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00462 và 00463 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 30/11/2004.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài nên không tính khấu hao.

## 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## 17. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## 18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 19. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn;
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

## 20. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán và chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp hoàn thành và được lập vào cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ.

Đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản nợ dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

## 21. Nguồn vốn chủ sở hữu

### Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại

Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

## **Ghi nhận cổ tức**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **Trích lập các quỹ**

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt phù hợp với Điều lệ của Công ty.

## **22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

### **Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất khu dân cư Long Thạnh Hưng và khu dân cư đường Trương Định nói dài được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết, công chứng đồng thời hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên cho người mua.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## **23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng**

### **Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu được xác định khi Công ty xuất hóa đơn cho khách hàng theo 2 trường hợp:

- Khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành và xác nhận giữa hai bên A và B cho từng giai đoạn của hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ vào khối lượng công việc thực hiện hoàn thành theo tiến độ hợp đồng xây dựng.

### **Chi phí của hợp đồng xây dựng**

Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng xây dựng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

## 24. Quỹ tiền lương

Quỹ tiền lương của Công ty bao gồm tiền lương của Công ty mẹ và các công ty con, trong đó, đơn giá tiền lương của từng bộ phận được chi tiết như sau:

Văn phòng Công ty trực thuộc Công ty mẹ: Đơn giá tiền lương tính trên 100 đồng lợi nhuận trước thuế hợp nhất của toàn hệ thống chưa lương quản lý và kinh phí công đoàn và các khoản chi phí dự phòng tài chính của Văn phòng Công ty là 6,59.

Xí nghiệp Cơ khí Sửa chữa trực thuộc Công ty mẹ: Đơn giá tiền lương tính trên 100 đồng lợi nhuận trước thuế chưa lương quản lý và kinh phí công đoàn và các khoản chi phí dự phòng tài chính của Xí nghiệp là 31,00.

Xí nghiệp Kinh doanh Vật liệu Xây dựng trực thuộc Công ty mẹ: Đơn giá tiền lương tính trên 100 đồng lợi nhuận trước thuế chưa lương quản lý và kinh phí công đoàn và các khoản chi phí dự phòng tài chính của Xí nghiệp là 27,66.

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng TICCO: Quỹ lương khối trực tiếp sản xuất và Quỹ lương khối quản lý. Quỹ lương khối trực tiếp sản xuất gồm lương cố định và lương sản phẩm. Quỹ lương khối quản lý được tạm xác định bằng mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định nhân với hệ số lương chức danh của số lao động khối quản lý. Trong năm 2012, tiền lương thực chi cho bộ phận quản lý Công ty là 3.100.874.448 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Bê tông TICCO:

- Đối với lương trực tiếp, người lao động hưởng theo khối lượng sản phẩm hoặc thời gian lao động cụ thể.
- Đối với lương bộ phận quản lý và bộ phận kinh doanh được tính theo Quyết định số 29/QĐ.BT-TICCO ngày 14/03/2012 “ Giao đơn giá tiền lương năm 2012 đối với bộ phận quản lý và bộ phận kinh doanh” như sau:

### *Bộ phận quản lý*

Đơn giá tiền lương tính trên 100 đồng lợi nhuận trước thuế chưa lương quản lý và kinh phí công đoàn là 27,41.

### *Bộ phận kinh doanh*

Đối với quỹ lương bộ phận kinh doanh được trích lập trên tổng số tiền thực thu như sau:

- + Đối với sản phẩm bê tông tươi là 0,25%;
- + Đối với sản phẩm bê tông đúc sẵn 1,50%;
- + Trích quỹ dự phòng và khen thưởng 30%.

## 25. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn chuyển quyền sử dụng đất Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư Trương Định nổi dài.

Giá vốn 1m<sup>2</sup> đất chuyển nhượng tại Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nổi dài được xác định theo giá ước tính bằng cách lấy tổng giá trị đầu tư ước tính đến 31/12/2012 của toàn bộ công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nổi dài chia cho tổng diện tích đất thương phẩm của khu dân cư Long Thạnh Hưng và Khu dân cư đường Trương Định nổi dài, chi tiết như sau:

- Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư Long Thạnh Hưng dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

thời điểm 31/12/2012 là 107.754.098.914 đồng, trong đó chi phí thực chi đến 31/12/2012 là 88.238.960.870 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 124.492 m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2012 là 250 m<sup>2</sup>.

- Tổng giá trị đầu tư ước tính của Công trình Khu dân cư đường Trương Định nối dài dựa trên đơn giá trúng thầu và các quyết định phê duyệt dự án. Tổng mức đầu tư ước tính đến thời điểm 31/12/2012 là 148.052.112.407 đồng (tổng giá trị đầu tư ước tính có thay đổi so với năm trước do bổ sung thêm 01 số hạng mục theo yêu cầu của địa phương), trong đó chi phí thực chi đến 31/12/2012 là 105.325.016.021 đồng.

Tổng diện tích đất thương phẩm là 70.967,52 m<sup>2</sup> (giảm so với năm trước do yêu cầu của địa phương).

Tổng diện tích đất đã chuyển nhượng trong năm 2012 là 48.403,63 m<sup>2</sup>.

## 26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tiền</b>	<b>24.859.991.854</b>	<b>18.203.202.481</b>
Tiền mặt tại quỹ	304.051.812	103.591.005
Tiền gửi ngân hàng	24.555.940.042	18.099.611.476
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>16.185.444.661</b>	-
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	16.185.444.661	-
<b>Cộng</b>	<b>41.045.436.515</b>	<b>18.203.202.481</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	119.454.120.067	(2.1)	97.212.882.634
Trả trước cho người bán	8.028.159.920		5.084.448.617
Các khoản phải thu khác	3.793.373.879	(2.2)	4.046.198.495
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(12.244.169.109)	(2.3)	(4.361.438.134)
<b>Cộng</b>	<b>119.031.484.757</b>		<b>101.982.091.612</b>

(2.1) Bao gồm khoản phải thu khách hàng sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	27.867.586.627		10.605.134.078
Phải thu khách hàng thi công công trình, bán bê tông và vật liệu xây dựng	91.586.533.440		86.607.748.556
<b>Cộng</b>	<b>119.454.120.067</b>		<b>97.212.882.634</b>

(2.2) Chủ yếu là khoản phải thu khác sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
Sở Tài Chính An Giang	416.416.000		416.416.000
Tiền lương chi vượt	385.439.869		982.016.401
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	89.010.996		78.570.996
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Xây dựng HALLA	160.813.783		-
Thù lao Hội đồng Quản trị	230.311.268		-
Cổ tức cổ đông	2.399.972.000		-
Ông Huỳnh Phú Gia	-		2.109.099.007

(2.3) Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập như sau:

<b>Tuổi nợ</b>	<b>Dư nợ đến 31/12/2012</b>	<b>Tỷ lệ trích</b>	<b>Mức trích</b>
Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	315.252.232	30%	94.575.670
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	11.495.940.718	50%	5.747.970.359
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.613.754.365	70%	1.129.628.055
Quá hạn trên 3 năm	5.271.995.025	100%	5.271.995.025
<b>Cộng</b>	<b>18.696.942.340</b>		<b>12.244.169.109</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
<b>Giá gốc của hàng tồn kho</b>			
Nguyên vật liệu	7.781.789.748		10.607.177.272
Công cụ, dụng cụ	3.202.065.865	(3.1)	3.327.188.780
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	86.520.378.897	(3.2)	146.041.375.823



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Thành phẩm	11.175.197.679	13.258.155.469
Hàng hóa	909.839.702	749.086.663
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>109.589.271.891</b>	<b>173.982.984.007</b>
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>109.589.271.891</b>	<b>173.982.984.007</b>

(3.1) Chủ yếu là cừ larzen.

(3.2) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây dựng.

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản thiếu chờ xử lý	41.000.000	41.000.000
Tạm ứng	4.588.152.301	3.056.093.515
Ký quỹ ngắn hạn	90.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.719.152.301</b>	<b>3.097.093.515</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>29.795.306.958</b>	<b>122.604.225.668</b>	<b>42.855.193.107</b>	<b>1.392.644.137</b>	<b>-</b>	<b>196.647.369.870</b>
Mua sắm trong năm	15.400.263	365.880.845	705.127.940	445.840.910	383.500.000	1.915.749.958
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	122.333.779	-	-	-	49.444.993	171.778.772
Thanh lý, nhượng bán	230.002.916	4.902.508.608	641.689.445	-	-	5.774.200.969
<b>Số cuối năm</b>	<b>29.703.038.084</b>	<b>118.067.597.905</b>	<b>42.918.631.602</b>	<b>1.838.485.047</b>	<b>432.944.993</b>	<b>192.960.697.631</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>5.162.002.498</b>	<b>56.369.391.286</b>	<b>18.957.819.741</b>	<b>627.793.888</b>	<b>-</b>	<b>81.117.007.413</b>
Khấu hao trong kỳ	1.678.994.053	8.158.117.547	3.747.089.381	258.000.395	29.787.578	13.871.988.954
Thanh lý, nhượng bán	57.500.729	3.641.477.914	366.356.040	-	-	4.065.334.683
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.783.495.822</b>	<b>60.886.030.919</b>	<b>22.338.553.082</b>	<b>885.794.283</b>	<b>29.787.578</b>	<b>90.923.661.684</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Số đầu năm</b>	<b>24.633.304.460</b>	<b>66.234.834.382</b>	<b>23.897.373.366</b>	<b>764.850.249</b>	<b>-</b>	<b>115.530.362.457</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.919.542.262</b>	<b>57.181.566.986</b>	<b>20.580.078.520</b>	<b>952.690.764</b>	<b>403.157.415</b>	<b>102.037.035.947</b>

**6. Tài sản cố định thuê tài chính**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	28.518.123.713	-	-	28.518.123.713
Giá trị hao mòn lũy kế	17.427.742.270	4.753.020.619	-	22.180.762.889
Giá trị còn lại	11.090.381.443			6.337.360.824

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>				
QSD 600 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	141.973.964	-	-	141.973.964
QSD 1.429,90 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	239.088.574	-	-	239.088.574
QSD 8.436,20 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	2.018.359.634	72.132.588	-	2.090.492.222
<b>Cộng</b>	<b>2.399.422.172</b>	<b>72.132.588</b>	<b>-</b>	<b>2.471.554.760</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
QSD 600 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	-	-	-	-
QSD 1.429,90 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	-	-	-	-
QSD 8.436,20 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	217.618.090	57.013.426	-	274.631.516
<b>Cộng</b>	<b>217.618.090</b>	<b>57.013.426</b>	<b>-</b>	<b>274.631.516</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
QSD 600 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	141.973.964			141.973.964
QSD 1.429,90 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	239.088.574			239.088.574
QSD 8.436,20 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang	1.800.741.544			1.815.860.706
<b>Cộng</b>	<b>2.181.804.082</b>			<b>2.196.923.244</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí mua sắm tài sản cố định	1.481.935.388	151.973.577
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	133.474.271	610.770.604
<b>Cộng</b>	<b>1.615.409.659</b>	<b>762.744.181</b>

**9. Bất động sản đầu tư (Quyền sử dụng đất)**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	802.108.000	-	-	802.108.000
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	802.108.000			802.108.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	260.000.000	260.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	29.436.597	-
Phân phối các quỹ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>289.436.597</b>	<b>260.000.000</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ quyền sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Testco	KCN Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	260.000.000	20,00%	20,00%	Kiểm định, thử nghiệm chất lượng công trình

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng tài sản	1.410.147.419	1.654.572.537
Tổng nợ phải trả	107.911.078	35.930.701
Tài sản thuần	1.302.236.341	1.618.641.836
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	260.447.268	323.728.367
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu thuần	983.353.869	2.124.866.716
Lợi nhuận thuần	218.058.497	390.503.238
Lợi nhuận thuần của Công ty trong công ty liên kết	43.611.699	78.100.648
Cổ tức được chia	14.175.102	78.100.648
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	29.436.597	-

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ như sau:

	<b>Các khoản chi phí trích trước</b>	<b>Khấu hao và phân bổ tài sản dài hạn</b>	<b>Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>6.404.251.730</b>	<b>-</b>	<b>(65.951.862)</b>	<b>6.338.299.868</b>
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	(846.780.439)	346.248.826	663.654.768	163.123.155
Ghi vào vốn chủ sở hữu	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Các khoản chi phí trích trước</b>	<b>Khấu hao và phân bổ tài sản dài hạn</b>	<b>Lãi chưa thực hiện khi hợp nhất</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>5.557.471.291</b>	<b>346.248.826</b>	<b>597.702.906</b>	<b>6.501.423.023</b>
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	931.661.774	172.695.890	(672.628.994)	431.728.670
Ghi vào vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>6.489.133.065</b>	<b>518.944.716</b>	<b>(74.926.088)</b>	<b>6.933.151.693</b>

Khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập BCTC:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tài sản thuế hoãn lại phát sinh khi hợp nhất từ các khoản lãi chưa thực hiện cuối kỳ	25.398.071	663.654.768
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.104.357.664	1.048.613.596
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(698.027.065)	(1.549.145.209)
<b>Cộng</b>	<b>431.728.670</b>	<b>163.123.155</b>

**12. Tài sản dài hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ký quỹ bảo lãnh thi công công trình	2.067.766.955	2.451.818.706
<b>Cộng</b>	<b>2.067.766.955</b>	<b>2.451.818.706</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	46.571.543.546 (13.1)	47.250.047.035
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam Chi nhánh An Giang	2.240.000.000 (13.2)	4.612.000.000
Vay cá nhân	3.360.000.000 (13.3)	-
<b>Cộng</b>	<b>52.171.543.546</b>	<b>51.862.047.035</b>

(13.1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 03/04/2012;
- + Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thi công các công trình;
- + Lãi suất: theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
- + Thời hạn rút vốn của Hợp đồng: 01 năm (hạn cuối là 03/04/2013);

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

- + Thời hạn vay: theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
  - + Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2012/HĐ ngày 03/04/2012; Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi SXKD bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác;
  - + **Số dư tại ngày 31/12/2012: 28.595.888.969 đồng.**
  - Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 23/08/2012:
  - + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng;
  - + Thời hạn vay: 6 tháng;
  - + Lãi suất: theo chế độ lãi suất của ngân hàng từng thời kỳ. Mức lãi suất hiện tại 10.5%
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn;
  - + Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2012/HĐ ngày 23/8/2012, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 04/2012/HĐ ngày 23/8/2012 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 05/2012/HĐ ngày 23/8/2012
  - + **Số dư tại ngày 31/12/2012: 11.489.183.491 đồng.**
  - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012:
  - + Hạn mức tín dụng tối đa: 10.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng và gia công sửa chữa thiết bị cơ khí;
  - + Lãi suất: Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
  - + Thời hạn vay: Theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể;
  - + Khoản tín dụng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2012/HĐ ngày 06/11/2012 - tài sản thế chấp theo giá trị định giá của ngân hàng là 2.150.877.273 đồng theo Biên bản định giá ngày 22/10/2012 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 06/11/2012 - thế chấp Quyền sử dụng đất thuê tại số 90 Đinh Bộ Lĩnh, P.9, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
  - + **Số dư tại ngày 31/12/2012: 6.486.471.086 đồng.**
- (13.2) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam Chi nhánh An Giang theo Hợp đồng tín dụng (cho vay theo hạn mức) số 1502 – LAV – 201200225 ngày 14/03/2012:
- Hạn mức vay: 5.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thi công công trình;
  - Thời hạn vay: Quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng kèm kế ước nhận nợ và không quá 6 tháng;
  - Lãi suất vay: Lãi suất cho vay do Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân;
  - Tài sản đảm bảo: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng bảo đảm số 22/2012/EIBAG-TĐN/TCTS ngày 15/03/2012;
  - Hạn mức vay: 5.000.000.000 đồng;
  - **Số dư tại ngày 31/12/2012: 2.240.000.000 đồng.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(13.3) Khoản vay huy động vốn cá nhân, bao gồm:

Tên cá nhân	Hợp đồng	Lãi suất (tháng)	Ngày đáo hạn	Dư nợ đến 30/06/2012
Nguyễn Thị Thùy Dung	23/HĐ.2012	0,916%	31/12/2012	1.000.000.000
Trương Huỳnh Ngọc Anh	24/HĐ.2012	0,916%	31/12/2012	2.360.000.000
<b>Cộng</b>				<b>3.360.000.000</b>

**14. Bao gồm khoản người mua trả trước sau**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.187.161.500	21.525.695.950
Khách hàng ứng trước vốn thi công công trình, mua bê tông và vật liệu xây dựng	17.093.487.004	27.874.257.422
<b>Cộng</b>	<b>29.280.648.504</b>	<b>49.399.953.372</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT phải nộp	8.752.568.622	1.512.541.641
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.229.288.777	1.819.130.167
Thuế thu nhập cá nhân	100.693.353	238.566.270
Thuế tài nguyên	11.227.275	8.181.816
Thuế, phí và các khoản khác	334.726.514	325.726.514
<b>Cộng</b>	<b>10.428.504.541</b>	<b>3.904.146.408</b>

**16. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
KDC Long Thành Hưng	13.195.678.631	27.045.453.188
Kinh phí nghiệm thu công trình Bình Lợi	509.090.909	509.090.909
Chi phí ước tính KDC Trương Định giai đoạn 2	33.458.625.902	2.357.720.432
Lãi vay phải trả	148.811.671	257.122.624
Chi phí phải trả khác	416.254.263	-
<b>Cộng</b>	<b>47.728.461.376</b>	<b>30.169.387.153</b>

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp	1.900.423.465	4.251.265.027
Giá trị QSDĐ của các cá nhân để hoán đổi với đất nền trong KDC đường Trương Định nối dài	258.999.998	21.149.037.970
Phải trả về Cổ phần hóa	157.107.047	3.641.567.047
Kinh phí công đoàn	223.801.362	348.942.192
Các khoản bảo hiểm bắt buộc	46.282.059	18.045
Thù lao HĐQT & BKS	21.000.000	66.688.732
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	80.000.000	80.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Huỳnh Phú Gia	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Khánh Giang	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Văn Út	85.838.650	541.790.749
Các khoản phải trả khác	3.224.861.015	139.934.722
<b>Cộng</b>	<b>6.358.313.596</b>	<b>30.579.244.484</b>

**18. Dự phòng phải trả ngắn hạn (Dự phòng bảo hành công trình)**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.922.857.293</b>	<b>2.348.003.176</b>
Trích lập dự phòng trong năm	634.110.935	574.854.117
Hoàn nhập dự phòng	(453.213.125)	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(454.889.658)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.648.865.445</b>	<b>2.922.857.293</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>5.885.348.018</b>	<b>12.296.734.378</b>
Tăng trong năm	1.894.317.300	156.329.934
Giảm trong năm	(4.359.190.038)	(6.567.716.294)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.420.475.280</b>	<b>5.885.348.018</b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay dài hạn	34.756.241.443 (20.1)	66.122.294.607
Nợ thuê tài chính dài hạn	1.140.200.000 (20.2)	3.065.800.000
<b>Cộng</b>	<b>35.896.441.443</b>	<b>69.188.094.607</b>

(20.1) Bao gồm các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng theo các hợp đồng sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Số dư 31/12/2012
Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang	05/2010/HĐ TD	09/02/2010	36 tháng	Nhận chuyển nhượng 1,8 ha đất sạch của UBND thị xã Gò Công	Quyền sử dụng đất tại khu phố 12B, Tp. Mỹ Tho	2.741.666.665
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	04/2008/HĐ	26/12/2008	60 tháng	Mua 2 tàu hút bùn	Tài sản hình thành từ vốn vay	2.976.842.090
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	03/2010/HĐ	10/12/2010	60 tháng	Mua 2 bộ càn xe đào bánh xích hiệu Komatsu	Tài sản hình thành từ vốn vay	163.800.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp	Số dư 31/12/2012
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	01/2010/HĐ	04/01/2010	60 tháng	Mua máy đào gàu 0.9m <sup>3</sup> và máy ủi công suất 90HP	Tài sản hình thành từ vốn vay	495.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	01/2009/HĐ, 02/2009/HĐ, 05/2009/HĐ, 01/2010/HĐ, 02/2010/HĐ	27/08/2009 27/08/2009 07/09/2009 08/02/2010 28/04/2010	60 tháng	Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định cho nhà máy bê tông	Tài sản hình thành từ vốn vay	10.210.932.688
Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Tiền Giang	TD.1079.10/HĐTD	09/03/2011	21 tháng	Bổ sung vốn bồi thường, hỗ trợ dự án Khu dân cư đường Trương Định nối dài.	Giá trị quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường 5 thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang (bao gồm các nền nhà liên kế và nền biệt thự với tổng diện tích 44.158 m <sup>2</sup> có trị giá 89.000.000.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 25/12/2010.	18.168.000.000
<b>Cộng</b>						<b>34.756.241.443</b>

(20.2) Nợ thuê tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính II NHĐT & PTVN theo Hợp đồng thuê tài chính số 050/2007/HĐCTTC ngày 08/03/2007:

- Tài sản thuê: Máy hàn lồng thép MBK, máy BFS Souveraen, máy BFS Jumbo;
- Thời hạn thuê: 72 tháng;
- Lãi suất thả nổi;
- Số dư tại ngày 31/12/2012 là 1.140.200.000 đồng;
- Nợ đến hạn trả 2013: 1.140.200.000 đồng.

**21. Vốn chủ sở hữu**

**21.1. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>32.018.718.930</b>	<b>5.391.530.776</b>	<b>7.494.000.320</b>
Tăng trong năm trước	-	-	74.461.608	37.230.804	19.878.528.728
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	7.064.991.753
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>	<b>32.093.180.538</b>	<b>5.428.761.580</b>	<b>20.307.537.295</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Vốn đầu tư của chủ sở	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	32.093.180.538	5.428.761.580	20.307.537.295
Tăng trong năm nay	-	-	5.000.000.000	947.158.650	18.604.951.582
Giảm trong năm nay	-	-	27.280.000	-	19.058.900.950
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	10.700.000.000	37.065.900.538	6.375.920.230	19.853.587.927

**21.2. Phân phối lợi nhuận**

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 01/NQ.ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2012, cụ thể như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển	5.000.000.000
- Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)	947.158.650
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (15%)	1.894.317.300
- Chia cổ tức (14%)	11.200.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng TICCOCO An Giang chi cổ tức cho cổ đông thiểu số	17.425.000
<b>Cộng</b>	<b>19.058.900.950</b>

**21.3. Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty tương ứng là 80.000.000.000 đồng (năm 2011: 80.000.000.000 đồng). Tại ngày 31/12/2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ theo giấy phép.

**21.4. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/CP	10.000 đồng/CP

**21.5. Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ ngày 27/04/2012, Công ty chia cổ tức năm 2011 với số tiền là 16.000.000.000 đồng. Trong đó, số tiền đã thanh toán cho cổ đông đợt 1 trong năm 2011 là 4.800.000.000 đồng theo Nghị quyết số 46/NQ.HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 25/7/2011; thanh toán cho cổ đông đợt 2 đến ngày 31/12/2012 là 11.199.972.000 đồng.

**21.6. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vốn cổ phần	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	15.084.100.000	12.975.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	4.915.900.000	7.025.000.000
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	24,580%	35,125%

**Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng TICCO An Giang**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng tài sản	33.555.255.396	48.510.648.038
Tổng nợ phải trả	12.115.588.691	27.286.708.676
<b>Tài sản thuần</b>	<b>21.439.666.705</b>	<b>21.223.939.362</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn cổ phần	20.000.000.000	20.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	526.947.363	526.947.363
Quỹ dự phòng tài chính	159.294.328	159.294.328
Lợi nhuận chưa phân phối	753.425.328	537.697.671

**Lợi ích của cổ đông thiểu số**

*Chi tiết như sau:*

Vốn của cổ đông thiểu số	4.915.900.000	7.025.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	185.090.261	185.090.261
Quỹ dự phòng tài chính	55.952.133	55.952.133
Lợi nhuận chưa phân phối	246.173.987	188.866.307
Lợi ích cổ đông thiểu số tại công ty con	-	-
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>5.403.116.381</b>	<b>7.454.908.701</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>489.478.104.300</b>	<b>436.585.833.464</b>
Doanh thu thi công công trình	101.823.513.014	148.665.359.540
Doanh thu bán bê tông thương phẩm và sản phẩm bê tông đúc sẵn	240.847.885.880	248.398.726.809
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	1.927.821.495	7.261.595.794
Doanh thu kinh doanh bất động sản	129.430.482.991	16.192.377.572
Doanh thu khai thác cát đen bán lẻ	1.056.014.547	793.636.365
Doanh thu gia công, sửa chữa	14.199.474.642	15.112.745.282
Doanh thu cung cấp dịch vụ	128.442.322	155.846.648
Doanh thu khác	64.469.409	5.545.454

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>664.127.323</b>	<b>1.317.715.498</b>
Giảm giá hàng bán	242.081.868	1.317.715.498
Hàng bán bị trả lại	422.045.455	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>488.813.976.977</b>	<b>435.268.117.966</b>
Doanh thu thuần thi công công trình	101.587.131.146	147.600.176.242
Doanh thu thuần bán bê tông thương phẩm và sản phẩm bê tông đúc sẵn	240.847.885.880	248.398.726.809
Doanh thu thuần bán vật liệu xây dựng	1.843.276.040	7.261.595.794
Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	129.092.982.991	15.939.845.372
Doanh thu thuần khai thác cát đen bán lẻ	1.056.014.547	793.636.365
Doanh thu thuần gia công, sửa chữa	14.193.774.642	15.112.745.282
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	128.442.322	155.846.648
Doanh thu thuần khác	64.469.409	5.545.454
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn thi công công trình	94.169.796.906	141.142.074.824
Giá vốn bê tông thành phẩm	175.550.512.232	179.480.819.076
Giá vốn bán vật liệu xây dựng	7.826.345.708	2.137.216.657
Giá vốn kinh doanh bất động sản	101.195.910.888	9.137.066.483
Giá vốn khai thác cát đen bán lẻ	703.399.030	591.697.135
Giá vốn gia công, sửa chữa	8.764.866.255	12.201.417.844
Giá vốn khác	78.434.735	-
<b>Cộng</b>	<b>388.289.265.754</b>	<b>344.690.292.019</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	971.239.215	1.780.841.627
Cổ tức được chia từ công ty liên kết	14.175.102	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.600.570	-
<b>Cộng</b>	<b>995.014.887</b>	<b>1.780.841.627</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	11.440.360.691	15.897.472.276
Chi phí tài chính khác	-	332.917
<b>Cộng</b>	<b>11.440.360.691</b>	<b>15.897.805.193</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	5.939.010.727	4.761.125.348
Chi phí dụng cụ đồ dùng	11.821.026.528	11.961.209.862
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.823.092.207	2.862.168.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.214.708.329	8.287.695.388
Chi phí bằng tiền khác	10.013.031.598	6.621.767.609
<b>Cộng</b>	<b>37.810.869.389</b>	<b>34.493.966.842</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	14.466.311.324	13.092.185.809
Chi phí vật liệu quản lý	1.216.176.351	1.147.647.042
Chi phí đồ dùng văn phòng	741.775.997	849.999.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.080.112.013	780.355.334
Thuế, phí và lệ phí	527.544.320	674.304.846
Chi phí dự phòng	7.882.730.975	2.152.088.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.030.829.799	1.417.320.010
Chi phí bằng tiền khác	6.011.271.805	4.556.889.652
<b>Cộng</b>	<b>32.956.752.584</b>	<b>24.670.790.137</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ xử lý công nợ	25.534	806.954.059
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.720.445.272	2.494.736.546
Hoàn nhận chi phí bảo hành công trình	453.213.125	837.131.901
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	4.500.000	18.000.000
Hoàn nhận chi phí khuyến mãi trích trước	1.212.940.600	-
Thu phạt hợp đồng kinh tế	730.761.198	-
Hỗ trợ thi công	436.053.894	-
Chuyển nhượng dầu	1.075.895.409	-
Thu nhập khác	68.920.256	277.793.569
<b>Cộng</b>	<b>8.702.755.288</b>	<b>4.434.616.075</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao và phân bổ tài sản không hoạt động	312.195.814	1.131.976.898
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.913.514.825	1.255.341.118
Chi phí xử lý các dự án đã ngừng thi công	867.036.588	-
Tiền phạt	103.719.606	112.671.898
Chi phí khác	279.049.742	248.389.626
<b>Cộng</b>	<b>3.475.516.575</b>	<b>2.748.379.540</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	<b>18.604.951.582</b>	<b>16.730.300.743</b>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông</b>	<b>18.604.951.582</b>	<b>16.730.300.743</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.326</b>	<b>2.091</b>

**10. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.8.

**Các loại công cụ tài chính**

<b>Giá trị ghi sổ</b>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.045.436.515	18.203.202.481
Phải thu khách hàng thuần	107.209.950.958	92.851.444.500
Phải thu khác	3.793.373.879	4.046.198.495
Ký quỹ, ký cược	2.157.766.955	2.451.818.706
<b>Cộng</b>	<b>154.206.528.307</b>	<b>117.552.664.182</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	52.171.543.546	51.862.047.035
Phải trả người bán	45.674.526.922	40.231.142.620
Chi phí phải trả	47.728.461.376	30.169.387.153
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.648.865.445	2.922.857.293
Phải trả khác	5.910.123.128	26.522.028.468
Vay và nợ dài hạn	35.896.441.443	69.188.094.607
<b>Cộng</b>	<b>190.029.961.860</b>	<b>220.895.557.176</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

## Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

## Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

## Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 31/12/2012 như sau:

Loại ngoại tệ	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	8.502.000	7.730.977	-	-
Euro (EUR)	92.575.923	83.646.212	-	-

## Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

## Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty không chịu các rủi ro liên quan đến sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

## Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b><u>Dưới 1 năm</u></b>	<b><u>Từ 1 năm trở lên</u></b>	<b><u>Cộng</u></b>
Vay và nợ ngắn hạn	52.171.543.546	-	52.171.543.546
Phải trả người bán	45.674.526.922	-	45.674.526.922
Chi phí phải trả	47.728.461.376	-	47.728.461.376
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.648.865.445	-	2.648.865.445
Phải trả khác	5.910.123.128	-	5.910.123.128
Vay và nợ dài hạn	25.685.508.755	10.210.932.688	35.896.441.443
<b>Cộng</b>	<b><u>179.819.029.172</u></b>	<b><u>10.210.932.688</u></b>	<b><u>190.029.961.860</u></b>

<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b><u>Dưới 1 năm</u></b>	<b><u>Từ 1 năm trở lên</u></b>	<b><u>Cộng</u></b>
Vay và nợ ngắn hạn	51.862.047.035	-	51.862.047.035
Phải trả người bán	40.231.142.620	-	40.231.142.620
Chi phí phải trả	30.169.387.153	-	30.169.387.153
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.922.857.293	-	2.922.857.293
Phải trả khác	26.522.028.468	-	26.522.028.468
Vay và nợ dài hạn	54.405.901.273	14.782.193.334	69.188.094.607
<b>Cộng</b>	<b><u>206.113.363.842</u></b>	<b><u>14.782.193.334</u></b>	<b><u>220.895.557.176</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với bên liên quan:

<b><u>Bên liên quan</u></b>	<b><u>Mối quan hệ</u></b>	<b><u>Nội dung</u></b>	<b><u>Số tiền</u></b>
Công ty Cổ phần Testco	Công ty liên kết	Thuê kiểm nghiệm chất lượng công trình	196.551.500

Thu nhập các thành viên Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	<b><u>Năm nay</u></b>	<b><u>Năm trước</u></b>
Thu nhập của Ban Giám đốc Công ty mẹ	554.950.240	1.777.641.745
Thu nhập của Ban Giám đốc Công ty con	1.481.547.289	1.715.564.945
<b>Cộng</b>	<b><u>2.036.497.529</u></b>	<b><u>3.493.206.690</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Nhất. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với các chỉ tiêu so sánh năm nay.

**3. Trình bày thay đổi số liệu do điều chỉnh các sai sót trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009, năm 2010 và năm 2011**

**BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2009	Số dư tại ngày 31/12/2010	Số dư tại ngày 31/12/2011
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	16.291.222.713	32.018.718.930	32.093.180.538
Quỹ dự phòng tài chính	3.440.479.448	5.391.530.776	5.428.761.580
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.881.830.872	7.494.000.320	20.307.537.295
<b>Cộng</b>	<b>92.613.533.033</b>	<b>124.904.250.026</b>	<b>137.829.479.413</b>

**SỐ LIỆU TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH**

Kết quả kinh doanh hợp nhất	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	386.612.642.287	422.409.293.241	437.224.290.807
Các khoản giảm trừ doanh thu	35.601.812	3.166.371.493	1.317.715.498
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>386.577.040.475</b>	<b>419.242.921.748</b>	<b>435.906.575.309</b>
Giá vốn hàng bán	323.519.878.178	295.559.719.124	342.297.889.615
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>42.659.676.526</b>	<b>52.253.528.111</b>	<b>22.219.990.691</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.652.368.067	11.573.958.354	2.881.922.461
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(5.499.565.946)	238.819.478	(1.021.532.009)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>40.506.874.405</b>	<b>40.440.750.279</b>	<b>20.359.600.239</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	681.348.525	403.154.372	203.733.147
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	<b>39.825.525.880</b>	<b>40.037.595.907</b>	<b>20.155.867.092</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.787	5.576	2.519
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2011</b>
Hàng tồn kho	80.383.069.559	93.975.786.382	174.538.841.067
Thuế GTGT được khấu trừ	903.223.321	1.677.544.096	3.956.031.865
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	300.981.262	94.381.535	2.873.872
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.643.071.208	6.322.293.331	7.359.831.877
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.584.444.347	11.716.599.654	6.202.076.475
Quỹ đầu tư phát triển	16.291.222.713	32.018.718.930	32.078.300.748
Quỹ dự phòng tài chính	3.440.479.448	5.391.530.776	5.424.263.472
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.463.971.744	9.164.624.526	19.286.831.653
Lợi ích của cổ đông thiểu số	8.002.219.786	7.669.851.124	8.035.338.576



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**SỐ LIỆU SAU ĐIỀU CHỈNH**

<b>Kết quả kinh doanh hợp nhất</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	383.494.751.059	419.644.843.152	436.585.833.464
Các khoản giảm trừ doanh thu	35.601.812	3.166.371.493	1.317.715.498
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>383.459.149.247</b>	<b>416.478.471.659</b>	<b>435.268.117.966</b>
Giá vốn hàng bán	323.519.878.178	295.559.719.124	344.690.292.019
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>39.541.785.298</b>	<b>49.489.078.022</b>	<b>19.189.130.944</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.116.617.711	8.415.242.061	2.433.380.013
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(5.499.565.946)	238.819.478	(163.123.157)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>37.924.733.533</b>	<b>40.835.016.483</b>	<b>16.918.874.088</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	681.348.525	403.154.372	188.573.345
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	<b>37.243.385.008</b>	<b>40.431.862.111</b>	<b>16.730.300.743</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.320	5.575	2.091
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2011</b>
Hàng tồn kho	79.758.341.518	91.858.157.899	173.982.984.007
Thuế GTGT được khấu trừ	903.223.321	1.677.544.096	1.686.942.347
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	300.981.262	94.381.535	1.847.952.902
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.643.071.208	6.338.299.868	6.501.423.023
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13.541.857.178	11.850.871.985	3.904.146.408
Quỹ đầu tư phát triển	16.291.222.713	32.018.718.930	32.093.180.538
Quỹ dự phòng tài chính	3.440.479.448	5.391.530.776	5.428.761.580
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.881.830.872	7.494.000.320	20.307.537.295
Lợi ích của cổ đông thiểu số	8.002.219.786	7.104.581.053	7.454.908.701

**Thuyết minh kèm theo**

Báo cáo tài chính hợp nhất của năm 2009, năm 2010 và năm 2011 được điều chỉnh sai sót theo Biên bản thanh tra thuế ngày 03/10/2012 về việc xác định lại các khoản thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm 2009, 2010 và 2011.

Các sai sót này được điều chỉnh theo nguyên tắc hồi tố (Chuẩn mực số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót” và Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TIỀN GIANG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

*(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Các sai sót này làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009, năm 2010 và năm 2011 như sau:

<b>ẢNH HƯỞNG CÁC SAI SÓT ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU BÁO CÁO</b>			
<b>Kết quả kinh doanh hợp nhất</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	(3.117.891.228)	(2.764.450.089)	(638.457.343)
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>(3.117.891.228)</b>	<b>(2.764.450.089)</b>	<b>(638.457.343)</b>
Giá vốn hàng bán	-	-	2.392.402.404
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(3.117.891.228)</b>	<b>(2.764.450.089)</b>	<b>(3.030.859.747)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(535.750.356)	(3.158.716.293)	(448.542.448)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	858.408.852
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.582.140.872)	394.266.204	(3.440.726.151)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	-	-	(15.159.802)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(2.582.140.872)	394.266.204	(3.425.566.349)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(467)	(1)	(428)
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2011</b>
Hàng tồn kho	(624.728.041)	(2.117.628.483)	(555.857.060)
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	(2.269.089.518)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-	1.845.079.030
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	16.006.537	(858.408.854)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.957.412.831	134.272.331	(2.297.930.067)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	14.879.790
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	4.498.108
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2.582.140.872)	(1.670.624.206)	1.020.705.642
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	(565.270.071)	(580.429.875)

Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2013

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**





**LÊ MỸ PHƯỢNG**

**NGUYỄN HOÀNG SƠN**

**TRẦN HOÀNG HUÂN**